

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HSST
Ngày 28/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Tự Soái**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Kim Phụng**

Bà **Bùi Thị Hoanh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lê Thị Nguyệt Sương**- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Lại**- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 39/2017/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thanh K (Tên gọi khác: K gà rừng), sinh ngày 25 tháng 01 năm 1996 tại thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị X; Chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 12 tháng 10 năm 2015, bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam quyết định xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng.

- Ngày 24 tháng 01 năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 17 tháng 10 năm 2014 (Giấy chứng nhận số 511/GCN-CHXPT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Trại giam An Điền, Tổng cục VIII) và chấp hành xong phần án phí hình sự ngày 24 tháng 7 năm 2014.

- Ngày 13 tháng 10 năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn là 15 tháng.

- Ngày 12 tháng 7 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Ngày 27 tháng 7 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam xử phạt 27 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại giam công an tỉnh Quảng Nam trong vụ án khác từ ngày 25 tháng 11 năm 2016; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993 tại thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Nguyễn L và bà Đặng Thị M; Chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 12 tháng 7 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 18 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Ngày 27 tháng 7 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam 33 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Quảng Nam trong vụ án khác từ ngày 29 tháng 11 năm 2016; có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1969; Trú tại: thôn P, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Lương Q, sinh năm 1979; Trú tại: thôn S, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Bùi B, sinh năm 1965; Trú tại: thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1973; Trú tại: thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973; Trú tại: thôn P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Phan Thanh T, sinh năm 1987; Trú tại: thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

4. Bà Khương Thị Thanh T, sinh năm 1987; Trú tại: thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

5. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1989; Trú tại: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

6. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989; Trú tại: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

7. Bà Đặng Thị M, sinh năm 1963; Trú tại: thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Thanh K và Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Từ ngày 25 tháng 02 năm 2016 đến ngày 20 tháng 8 năm 2016, Nguyễn Thanh K và Nguyễn Văn T đã nhiều lần cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện Đại Lộc để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 25 tháng 02 năm 2016, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thanh K sử dụng xe mô tô của gia đình T (không rõ BKS) đi chơi từ xã Q về nhà xã H, huyện Đ theo đường QL 14B. Khi đến khu vực cầu Bàu Dầm thuộc thôn V, xã H thì

K và T phát hiện xe mô tô nhãn hiệu SUNFAT, BKS 92E1- 154.84 do ông Đỗ Văn N dựng cách đường khoảng 40m. Quan sát thấy không có người trông giữ, Tr dùng chìa khóa mang theo trong người mở khóa, dắt xe mô tô này giao cho K điều khiển về nhà K. Sau đó, T đưa cho K biển kiểm soát 92N3 (không nhớ số, BKS này do K trộm xe ở huyện N) để thay vào x trộm cắp này. K và T sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô khác.

Tại Bản kết luận số 23/HĐĐG ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị xe mô tô BKS 92E1- 154.84 là 2.900.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 13 giờ (không nhớ ngày cụ thể) tháng 3 năm 2016, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thanh K sử dụng xe mô tô BKS 92E1. 154.84 đã trộm cắp ở trên đi từ thành phố Đà Nẵng về xã H, huyện Đ. Khi đến thôn L, xã N thì K và T vào nghĩa trang tìm trái cây để ăn. Tại đây, cả hai phát hiện chiếc xe mô tô BKS 92N4- 7551 của anh Lương Q đang dựng ở đây. Lập tức, T lấy chìa khóa xe đang sử dụng mở khóa xe Wave và điều khiển xe này về xã H bán cho ông Phan Thanh T số tiền 1.300.000 đồng.

Tại Bản kết luận số 12/HĐĐG ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị xe mô tô BKS 92N4- 7551 là 4.500.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 9 giờ ngày 20 tháng 8 năm 2016, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô của gia đình (không rõ biển số) chở Nguyễn Thanh K từ xã H đến xã L, huyện Đ theo QL 14B. Khi đến thôn N, xã H, huyện Đ phát hiện xe mô tô BKS 92E1- 038.81 của ông Bùi B dựng bên lề đường. Thấy không có người, K xuống xe dùng tay bứt dây điện ổ khóa rồi điều khiển xe mô tô BKS 92E1- 038.81 đến xã L huyện Đ bán cho bà Khương Thị Thanh T số tiền 2.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận số 13/HĐĐG ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị xe mô tô BKS 92E1- 038.81 là 8.000.000 đồng.

Ngoài các lần phạm tội nêu trên, khoảng 22 giờ 15 phút (không nhớ ngày cụ thể) trong tháng 3 năm 2016 thì Nguyễn Thanh K và Nguyễn Văn T sử dụng xe mô tô BKS 92E1- 154.84 trộm cắp được đi từ thôn P, xã Q về nhà tại xã H, huyện Đ. Lúc đến nhà anh Nguyễn Đức K thì K và T phát hiện xe mô tô hiệu SUNFAT, màu xanh, BKS 92E1- 068.95 của anh K dựng ở hiên nhà, K đi vào dắt xe mô tô giao cho T đem về nhà K cất giấu. Trưa ngày hôm sau, K bán chiếc xe 92E1- 068.95 cho ông Nguyễn Văn N với số tiền 500.000 đồng.

Ngày 15 tháng 11 năm 2015, Nguyễn Văn T còn trộm xe mô tô BKS 92K8- 6584 của anh Nguyễn Văn B rồi bán cho ông Nguyễn Văn Đ với số tiền 1.000.000 đồng.

Theo định giá của Hội đồng định giá 02 chiếc xe trên chưa đủ định lượng, nên Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính.

Vật chứng của vụ án thu giữ:

- Xe mô tô Dream, nhãn hiệu Sunfat, màu nâu, số máy P50FMG934894, số khung G2PJBA935028, BKS 91E1- 154.84.

- Xe mô tô Wave, màu xanh, số máy HC09E0060893, số khung HC09053Y060644, BKS 92N4- 7551.

- Xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đen trắng, số máy 5C64511887, số khung C640BY511891, BKS 93E1- 038.81.

Cả 03 xe mô tô trên đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ trả lại cho các chủ sở hữu.

Về dân sự: Tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho các chủ sở hữu.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh K và Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh K và Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thanh K và Nguyễn Văn T khai nhận: Từ ngày 25 tháng 02 năm 2016 đến ngày 20 tháng 8 năm 2016, các bị cáo K và T đã ba lần cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của ông Đỗ Văn N trú xã T, ông Lương Q trú xã Q và ông Bùi B trú xã H, huyện Đ. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo K và T đã chiếm đoạt là 15.400.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh K và Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; các điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh K từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

Áp dụng Điều 51 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2017/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam đối với các bị cáo K và T.

Người bị hại ông Đỗ Văn N trình bày, vào khoảng 13 giờ ngày 25 ngày 02 năm 2016 ông từ nhà ở thôn P, xã T, huyện Đ điều khiển xe mô tô, loại xe Dream, nhãn hiệu SUNFAT, BKS 92E1-154.84 chạy đến khu vực cầu Bàu Dầm thuộc thôn V, xã H, huyện Đ cách QL 14B khoảng 40m thì dừng lại để xe bên mép đường đi cắt cỏ cách vị trí để xe khoảng 50m. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, sau khi cắt cỏ xong ông N quay lại vị trí để xe thì phát hiện xe mô tô do mình làm chủ sở hữu bị mất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị M trình bày, vào năm 2015 vì nhu cầu phương tiện đi lại nên bà M có ra Đà Nẵng mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu xanh, không nhớ biển số. Vào ngày 20 tháng 8 năm 2017, bị cáo T con ruột bà có mượn chiếc xe của bà làm chủ sở hữu làm phương tiện trộm cắp tài sản thì bà M không biết. Hiện tại chiếc xe mà này bà M đã bán cho một người phụ nữ ở huyện N, hiện giờ không biết xe ở đâu.

Qua xem xét lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo Nguyễn Thanh K và Nguyễn Văn T khi thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp, mặc dù không có sự phân công, bàn bạc cụ thể. Tuy nhiên, trên đường đi chơi khi phát hiện xe mô tô của người khác không có người trông giữ thì các bị cáo đã có sự cấu kết với nhau, thống nhất ý chí hành động và nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trái pháp luật đem bán lấy tiền cùng nhau tiêu xài cá nhân.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Nguyễn Thanh K và Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung hình phạt “*Có tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự, như Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với bị cáo K và T là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi do các bị cáo phạm tội thì thấy:

Các bị cáo K và T đều nhận thức được rằng quyền sở hữu đối với tài sản được pháp luật bảo vệ, đó là quyền bất khả xâm phạm. Thế nhưng, với động cơ vụ lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài mà không phải bỏ sức lao động, các bị cáo đã bất chấp các quy định pháp luật, đạo đức xã hội, lén lút lấy trộm tài sản 03 chiếc xe mô tô của ông Đỗ Văn N, ông Lương Q và ông Bùi B gây thiệt hại trị giá 15.400.000 đồng đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, theo quy định của pháp luật cần phải xử phạt các bị cáo mức án thỏa đáng để giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân dân của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo K và T có sự cấu kết với nhau và thống nhất ý chí hành động để thực hiện việc phạm tội trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, nên vai trò các bị cáo trong vụ án là như nhau. Các bị cáo cùng thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô ba lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội nhiều lần*” theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Hồ sơ vụ án cho thấy, vào ngày 12 tháng 7 năm 2017 các bị cáo K và T đã bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tiếp đến ngày 27 tháng 7 năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do các Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án huyện Đ và Tòa án huyện N đưa ra xét xử sau khi các bị cáo K và T đã thực hiện hành vi trộm cắp trên địa bàn huyện Đ, nên không xác định là tiền án nhưng thể hiện các bị cáo là người có nhân thân xấu. Đối với bị cáo K thì vào ngày 12 tháng 10 năm 2015, bản thân bị cáo từng bị Công an huyện Đ quyết định xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, tiếp đến ngày 13 tháng 10 năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trước đó vào ngày 24 tháng 01 năm 2014 bị cáo K đã bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự là tội phạm nghiêm trọng. Tuy nhiên, do thời điểm này bị cáo chưa đủ 18 tuổi phạm tội nghiêm trọng nên áp dụng quy định có lợi cho bị cáo tại Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao và điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì trường hợp này được coi là không có án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo không thuộc trường hợp tái phạm. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo K mức án cao hơn bị cáo T là thỏa đáng.

Tuy nhiên xét thấy, khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, ăn năn hối hận, tự thú khai ra các lần phạm tội của mình, tại phiên tòa người bị hại ông Đỗ Văn N xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét chiếu cố giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

Ngoài các lần phạm tội nêu trên, vào tháng 3 năm 2016 Nguyễn Thanh K và Nguyễn Văn T cùng thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu SUNFAT, màu xanh, BKS 92E1- 068.95 của ông Nguyễn Đức K làm chủ sở hữu. Trước đó, ngày 15 tháng 11 năm 2015, Nguyễn Văn T thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 92K8-6584 do ông Nguyễn Văn B làm chủ sở hữu. Tuy nhiên, theo định giá của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ xác định 02 chiếc xe trên chưa đủ định lượng, nên Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính đối với K và T bằng hình thức phạt tiền là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với xe mô tô mà bị cáo T sử dụng để cùng bị cáo K làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp là của bà Đặng Thị M mẹ ruột bị cáo T làm chủ sở hữu, nhưng bà M không biết việc bị cáo T sử dụng xe này để thực hiện hành vi trộm cắp nên không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Khương Thị Thanh T đã mua xe do các bị cáo K và T trộm cắp mà có. Tuy nhiên, khi bán xe các bị cáo K và T nói là xe bị mất giấy tờ nên bà T không biết đây là tài sản trộm mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với ông Phan Thanh T quá trình điều tra chưa làm việc được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tách ra điều tra, làm rõ xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

*** Về tổng hợp hình phạt:**

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh K 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự (Bản án này đã có hiệu lực pháp luật) và tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2017/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh K 27 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự (Bản án này đã có hiệu lực pháp luật). Căn cứ vào khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy tổng hợp hình phạt chung của cả hai bản án là 57 tháng tù, quy đổi ra năm là 04 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù này sẽ được tổng hợp với thời hạn tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, để buộc bị cáo K phải chấp hành chung cho cả ba bản án và thời hạn hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự (Bản án này đã có hiệu lực pháp luật) và tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2017/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 33 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự (Bản án này đã có hiệu lực pháp luật). Hội đồng xét xử xét thấy tổng hợp hình phạt chung của cả hai bản án là 51 tháng tù, quy đổi ra năm là 04 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù này sẽ được tổng hợp với thời hạn tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, để buộc bị cáo Khôi phải chấp hành cho cả ba bản án và thời hạn hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 29 tháng 11 năm 2016.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho ông Đỗ Văn N, ông Lương Q và ông Bùi B; các người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

*** Về xử lý vật chứng:** Các bị cáo K và T cùng nhau thực hiện hành trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự truy thu bị cáo K số tiền 1.900.000 đồng và bị cáo T số tiền 1.900.000 đồng có được từ việc phạm tội để sung quỹ Nhà nước.

*** Về án phí:** Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thanh K và Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 138; các điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh K **03 (ba)** năm tù. Tổng hợp hình phạt **04 (bốn)** năm **09 (chín)** tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2017/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả ba bản án là **07 (bảy)** năm **09 (chín)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 138; các điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Tổng hợp hình phạt **04 (bốn)** năm **03 (ba)** tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2017/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả ba bản án là **06 (sáu)** năm **09 (chín)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 29 tháng 11 năm 2016.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền mà các bị cáo K và T có được từ việc phạm tội mà có, cụ thể như sau:

+ Bị cáo Nguyễn Thanh K 1.900.000 đồng (*một triệu chín trăm ngàn đồng*).

+ Bị cáo Nguyễn Văn T 1.900.000 đồng (*một triệu chín trăm ngàn đồng*).

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh K và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, báo cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Các người bị hại, những người có quyền lợi và

nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

